TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2025/DS-ST
Ngày 14 – 5 – 2025
V/v tranh chấp HĐ về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn
2. Bà Đoàn Thị Sim

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2025/TLST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng về hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp Ba T, xã Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp Ba T, xã Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; Là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn B theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2025 (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Kim T1, ông Nguyễn Văn T2; Địa chỉ: ấp Đường C, xã Phú T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết với nhau, nên ông Trần Văn B tham gia chơi hụi của vợ chồng ông Nguyễn Văn T2, bà Huỳnh Kim T1 nhiều lần, cụ thể:

Dây hụi mở ngày 20/4/2022 âm lịch, bà T1 mở dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần vào ngày 20 hàng tháng, hụi hưởng hoa hồng, dây hụi có 39 chân, ông B tham gia chơi một chân. Quá trình giao dịch hụi, ông B đã tham gia đóng hụi sống đến kỳ khui hụi thứ 34 (nhằm ngày 20/12/2024 âm lịch) thì đến kỳ thứ 35, bà T1 và ông T2 tuyên bố đình hụi nhưng không trả lại tiền hụi cho ông B.

Dây hụi mở ngày 10/4/2024 âm lịch, bà T1 mở dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần vào ngày 10 hàng tháng, hụi hưởng hoa hồng, dây hụi có 31 chân, ông B tham gia chơi hai chân. Quá trình giao dịch hụi, ông B đã tham gia đóng hụi sống đến kỳ khui hụi thứ 09 (nhằm ngày 10/12/2024 âm lịch) thì đến kỳ thứ 10, bà T1 và ông T2 tuyên bố đình hụi nhưng không trả lại tiền hụi cho ông B.

Khi mở hai dây hụi trên, vợ chồng bà T1 đều có lập danh sách hụi và giao cho hụi viên giữ nhưng không có chính quyền, địa phương xác nhận. Tổng số tiền bà T1, ông T2 nợ ông B là 52.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng bà T1 có trả được cho ông B số tiền 10.000.000 đồng, hiện còn nợ lại ông B số tiền 42.000.000 nên ông B thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà T1, ông T2 cùng có trách nhiệm trả một lần cho ông B hết số tiền còn nợ lại bằng với số tiền hụi sống đã đóng là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng). Ngoài ra, ông B không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Đối với bà Huỳnh Kim T1, ông Nguyễn Văn T2 (bị đơn) tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông, bà không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án. Riêng chị T là người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn B do bận công việc gia đình nên chị T xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vào ngày 14/5/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên xét xử không rõ lý do, riêng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc xin vắng mặt của người đại diện nguyên đơn và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng về hụi. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hụi, tuy việc mở hụi có lập danh sách hụi viên nhưng không đăng ký với chính quyền địa phương và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà, không gửi văn bản ý kiến để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh thời gian chơi hụi, số chân hụi nguyên đơn tham gia, số kỳ hụi sống nguyên đơn đã đóng, thời gian đình hụi cũng như số tiền hụi bị đơn còn nợ nguyên đơn là tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bởi theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh là của đương sự trong khi trong danh sách hụi viên thể hiện nguyên đơn có tham gia chơi hai dây hụi do bị đơn mở vào ngày 20/4/2022 âm lịch và ngày 10/4/2024 âm lịch. Hơn nữa, sau khi tuyên bố đình hụi, theo nguyên đơn trình bày thì bị đơn có trả được số tiền 10.000.000 đồng đều đó chứng minh vợ chồng bị đơn thống nhất cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào danh sách hụi viên cùng lời trình bày của nguyên đơn có cơ sở xác định bị đơn hiện còn nợ nguyên đơn số tiền hụi là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) nên yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về thời gian thanh toán, tuy nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần nhưng việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn B.

Buộc bà Huỳnh Kim T1, ông Nguyễn Văn T2 cùng có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn B số tiền là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày ông Trần Văn B có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Văn T2 cùng bà Huỳnh Kim T1 không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Huỳnh Kim T1, ông Nguyễn Văn T2 phải chịu số tiền 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng, chưa nộp).

Ông Trần Văn B không phải chịu. Ngày 19/3/2025, ông B đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003952 được trả lại toàn bộ cho ông B.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân